

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2240/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 10 tháng 9 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa  
thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 21/TTr-STP ngày 25/8/2020 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp, thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các Quyết định công bố thủ tục hành chính, Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Tư pháp thuộc phạm vi quản lý của Sở Tư pháp, thẩm quyền giải quyết của các Sở ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trước đây.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Nam Định, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Phạm Đình Nghị**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**  
*(Kèm theo Quyết định số: 2240/QĐ-UBND ngày 10/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định)*

**A. DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
<b>LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP</b>					
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Quốc tịch</b>				
1	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- 100.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với: Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	- 3.000.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.

				<p>nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó; người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</p>	
3	<p>Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước</p>	<p>85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>- 2.500.000 đồng.  - Miễn lệ phí đối với: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam, hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó; người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.  - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ.  - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp.  - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>

4	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	2.500.000 đồng.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
5	Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam</li> <li>- 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 100.000 đồng.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với: Người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</li> <li>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>				
1	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

<b>III Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>					
1	Thủ tục đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ.</li> </ul>
2	Thủ tục giải quyết việc người nước ngoài thường trú tại Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Tư pháp kiểm tra hồ sơ và lấy ý kiến: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- UBND tỉnh Quyết định: 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ do Sở Tư pháp trình.</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	4.500.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ.</li> </ul>
<b>IV Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>					
1	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

V Lĩnh vực Cấp phiếu lý lịch tư pháp					
1	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam	10 ngày, trường hợp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	<p>200.000 đồng/lần/người.            Trường hợp sinh viên, người có công với cách mạng, thân nhân liệt sỹ (gồm cha đẻ, mẹ đẻ, vợ (chồng), con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi dưỡng liệt sỹ): 100.000 đồng/lần/người.</p> <p>- Các trường hợp miễn phí cung cấp thông tin LLTP: Trẻ em; người cao tuổi; người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, người cư trú tại các xã đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu theo quy định của pháp luật.</p> <p>- Trường hợp đề nghị cấp trên 2 phiếu trong một lần yêu cầu, kể từ phiếu thứ 3 thu thêm 5.000 đồng/phiếu.</p>	<p>- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.            - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ.            - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012.            - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>
2	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị,	10 ngày, trường hợp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<p>- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009.            - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ.            - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-</p>

	tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày			BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012. - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Cấp Phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam)	10 ngày, trường hợp là công dân Việt Nam đã cư trú ở nhiều nơi hoặc có thời gian cư trú ở nước ngoài, người nước ngoài, trường hợp phải xác minh về điều kiện đương nhiên được xóa án tích thì thời hạn không quá 15 ngày. Trường hợp khẩn cấp thì thời hạn không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận được yêu cầu.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Lý lịch tư pháp năm 2009. - Nghị định số 111/2010/NĐ-CP ngày 23/11/2010 của Chính phủ. - Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 10/5/2012. - Thông tư số 244/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
<b>LĨNH VỰC BỒ TRỢ TƯ PHÁP</b>					

<b>VI Lĩnh vực Luật sư</b>					
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư năm 2006.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư năm 2006.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư năm 2006.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư năm 2006.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>



5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	50.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư năm 2006.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.</li> <li>- Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	2.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư năm 2006.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Luật sư năm 2006.</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư.</li> <li>- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
9	Hợp nhất công ty luật	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.</li> </ul>

10	Sáp nhập công ty luật	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ.
12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	50.000 đồng	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ Tài chính.
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	600.000 đồng	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ. - Thông tư số 02/2015/TT-BTP ngày 16/01/2015 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	2.000.000 đồng	- Luật Luật sư năm 2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

	động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài		hành chính công tỉnh		Luật Luật sư. - Thông tư số 17/2011/TT-BTP ngày 14/10/2011 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.
<b>VII</b>	<b>Lĩnh vực Công chứng</b>				
1	Thủ tục Thành lập Văn phòng công chứng	20 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Nghị định 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp. - Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Nam Định ban hành tiêu chí xét duyệt thành lập Văn phòng công chứng. - Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh Nam Định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND.
2	Thủ tục Đăng ký tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.
3	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.

4	Thủ tục Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
5	Thủ tục Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

6	Thủ tục Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.
7	Thủ tục Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp người tập sự đề nghị thay đổi	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.
8	Thủ tục Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự trong trường hợp tổ chức hành nghề công chứng nhận tập sự tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động hoặc bị chuyển đổi, giải thể	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ Tư pháp.

9	Thủ tục Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt)	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Luật Công chứng năm 2014.
10	Thủ tục Hợp nhất Văn phòng công chứng	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.
11	Thủ tục Sáp nhập Văn phòng công chứng.	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.
12	Thủ tục Chuyển nhượng Văn phòng công chứng	35 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.
13	Thủ tục Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập	14 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Công chứng năm 2014. - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.

14	Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
15	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
16	Thủ tục Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	100.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
17	Thủ tục Cấp lại Thẻ công chứng viên	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	100.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
18	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày</li> </ul>

					15/6/2015 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
19	Thủ tục Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	500.000 đồng	- Luật Công chứng năm 2014. - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
20	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	500.000 đồng	- Luật Công chứng năm 2014. - Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15/3/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2015/TT-BTP ngày 15/6/2015 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
21	Thu hồi Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	Luật công chứng số 53/2014/QH13.
<b>VIII</b>	<b>Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý</b>				
1	Thủ tục Đăng ký tham gia Trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.



2	Thủ tục Thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia Trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
3	Thủ tục Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
4	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
5	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
<b>IX</b>	<b>Lĩnh vực Tư vấn pháp luật</b>				
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
5	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
6	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/02/2010 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

X	<b>Lĩnh vực Quản tài viên</b>				
1	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phá sản năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
2	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phá sản năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> </ul>
3	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phá sản năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 224/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
4	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phá sản năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> </ul>

5	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	- Luật Phá sản năm 2014. - Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
<b>XI</b>	<b>Lĩnh vực Bán đấu giá tài sản</b>				
1	Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.
2	Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	500.000 đồng	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	500.000 đồng	- Luật Đấu giá tài sản năm 2016. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.

4	Thủ tục đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	2.700.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 06/10/2017 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
5	Thủ tục cấp thẻ đấu giá viên	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
6	Thủ tục cấp lại thẻ đấu giá viên	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
7	Thủ tục đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
8	Thủ tục phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	90 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đấu giá tài sản năm 2016.</li> <li>- Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ.</li> </ul>

XII	Lĩnh vực Hòa giải thương mại				
1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khởi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp	Không quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
3	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
4	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
5	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh,	07 ngày làm	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

	thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác				
6	Đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
7	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại/ chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
8	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

9	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
10	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
11	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>



12	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
13	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	07 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
<b>XIII Lĩnh vực Trọng tài thương mại</b>					
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài	15 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.500.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

2	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	1.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
3	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	5.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trọng tài thương mại năm 2010.</li> <li>- Nghị định 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định 124/2018/NĐ-CP ngày 19/9/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 07/11/2012 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 222/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Đơn vị thực hiện</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<b>I</b>	<b>Danh mục TTHC lĩnh vực Bồi thường nhà nước thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh</b>					
1	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính cấp tỉnh quy định tại Điều 33 Luật Trách nhiệm BTCNN	Trụ sở cơ quan	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</li> <li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường cử người giải quyết bồi thường.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh</li> </ul>	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính cấp tỉnh quy định tại Điều 33 Luật Trách nhiệm BTCNN	Trụ sở cơ quan	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

	<p>thiệt hại; trường hợp vụ việc phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn là 30 ngày. Thời hạn có thể kéo dài theo thỏa thuận nhưng tối đa là 15 ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại.</li><li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết thiệt hại phải tiến hành thương lượng bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành; trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể kéo dài theo thỏa thuận nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn.</li><li>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành,</li></ul>				
--	-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--	--

		<p>Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì cơ quan giải quyết bồi thường gửi cho người yêu cầu bồi thường biên bản về việc không nhận quyết định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>				
<b>II</b>	<b>Danh mục TTHC lĩnh vực Đăng ký biện pháp bảo đảm</b>					
1	<p>Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế</p>	<p>Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Bộ phận Một cửa</p>	<p>80.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy</p>	<p>- Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP</p>

	chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất)			UBND cấp xã.	định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	ngày 06/01/2017 của Chính phủ - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.
2	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.	80.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	- Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định

3	<p>Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận</p>	<p>Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.</p>	<p>80.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013.</li> <li>- Luật Nhà ở năm 2014.</li> <li>- Luật phí và lệ phí năm 2015.</li> <li>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
4	<p>Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu</p>	<p>Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.</p>	<p>Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.</p>	<p>80.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4,</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013.</li> <li>- Luật Nhà ở năm 2014.</li> <li>- Luật phí và lệ phí năm 2015.</li> <li>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP</li> </ul>

					Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.
5	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.	60.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP; Thay đổi thông tin của tổ chức, cá nhân sau khi được cấp mã số sử dụng cơ sở dữ liệu về giao dịch bảo đảm.	- Luật Đất đai năm 2013. - Luật Nhà ở năm 2014. - Luật phí và lệ phí năm 2015. - Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ. - Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ - Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ - Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định



6	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	- Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013.</li> <li>- Luật Nhà ở năm 2014.</li> <li>- Luật phí và lệ phí năm 2015.</li> <li>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định</li> </ul>
7	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện. - Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.	70.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4,	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013.</li> <li>- Luật Nhà ở năm 2014.</li> <li>- Luật phí và lệ phí năm 2015.</li> <li>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP</li> </ul>

					Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định
8	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</li> <li>- Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.</li> <li>- Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.</li> </ul>	80.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013.</li> <li>- Luật Nhà ở năm 2014.</li> <li>- Luật phí và lệ phí năm 2015.</li> <li>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định</li> </ul>

9	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất	Trong ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Nếu nhận hồ sơ sau 15 giờ, thì hoàn thành việc đăng ký và trả kết quả ngay trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp phải kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ thì cũng không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hợp lệ.	Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.</li> <li>- Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện.</li> <li>- Bộ phận Một cửa UBND cấp xã.</li> </ul>	20.000 đồng Đối tượng được miễn nộp phí: Các cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng thuộc một trong các lĩnh vực cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Đất đai năm 2013.</li> <li>- Luật Nhà ở năm 2014.</li> <li>- Luật phí và lệ phí năm 2015.</li> <li>- Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ</li> <li>- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ</li> <li>- Thông tư số 07/2019/TT-BTP ngày 25/11/2019 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định</li> </ul>
<b>III TTHC lĩnh vực Chứng thực</b>						
1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Trong ngày hoặc trong ngày làm việc tiếp theo nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Cơ quan, tổ chức quản lý sổ gốc	Trụ sở cơ quan	Không	- Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.
2	Thủ tục chứng thực bản sao từ	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc	- Tổ chức hành nghề công chứng.	Trụ sở của các tổ chức hành nghề	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.

	bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong một số trường hợp thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực		công chứng	đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
3	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong một số trường hợp thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	- Tổ chức hành nghề công chứng.	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ. - Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

4	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực Công chứng</b>					
1	Cấp bản sao Văn bản công chứng	Không quy định	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	05 nghìn đồng/trang, từ trang thứ ba (3) trở lên thì mỗi trang thu 03 nghìn đồng nhưng tối đa không quá 100 nghìn đồng/bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
2	Nhận lưu giữ di chúc	Không quy định	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	100.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

3	Công chứng hợp đồng ủy quyền	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	50.000đồng/ trường hợp	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
4	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	20.000đồng/ 1 trường hợp	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
5	Công chứng văn bản khai nhận di sản	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	Tính trên giá trị tài sản	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính.
6	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản	Thời hạn công chứng không quá 02 ngày làm việc; đối với hợp đồng, giao dịch có nội dung phức tạp thì thời hạn công chứng có thể kéo dài hơn nhưng không quá 10 ngày làm việc.	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	Tính trên giá trị tài sản	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính.

7	Công chứng di chúc	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	50.000đồng/ trường hợp	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
8	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	Tính trên giá trị tài sản	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
9	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	25.000đồng/trường hợp (Trường hợp sửa đổi, bổ sung tăng giá trị tài sản hoặc giá trị hợp đồng, giao dịch thì áp dụng mức thu tương ứng với phần tăng)	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.
10	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	Tùy theo nội dung của Hợp đồng, nếu hợp đồng có giá trị tài sản thì tính trên giá trị tài sản; hợp đồng, giao dịch không theo giá trị tài sản thì tính theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC)	- Luật Công chứng năm 2014. - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

11	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	Tùy theo nội dung của Hợp đồng, nếu hợp đồng có giá trị tài sản thì tính trên giá trị tài sản; hợp đồng, giao dịch không theo giá trị tài sản thì tính theo quy định tại Thông tư số 257/2016/TT-BTC)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> <li>- Thông tư số 111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
12	Công chứng bản dịch	Không quá 02 ngày làm việc. Trường hợp phức tạp không quá 10 ngày làm việc	Tổ chức hành nghề công chứng	Trụ sở của các tổ chức hành nghề công chứng	10 nghìn đồng/trang với bản dịch thứ nhất. Trường hợp người yêu cầu công chứng cần nhiều bản dịch thì từ bản dịch thứ 2 trở lên thu 05 nghìn đồng/trang đối với trang thứ nhất, trang thứ 2; từ trang thứ 3 trở lên thu 03 nghìn đồng/trang nhưng mức thu tối đa không quá 200 nghìn đồng/bản.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Công chứng năm 2014.</li> <li>- Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>



V	Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý					
1	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm trợ giúp pháp lý.</li> <li>- Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý.</li> </ul>	Trụ sở của Trung tâm trợ giúp pháp lý, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
2	Thủ tục rút yêu cầu trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý	Ngay sau khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm trợ giúp pháp lý.</li> <li>- Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý.</li> </ul>	Trụ sở của Trung tâm trợ giúp pháp lý, Chi nhánh Trung tâm trợ giúp pháp lý	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.</li> <li>- Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
3	Thủ tục lựa chọn ký hợp đồng với Luật sư	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, Tổ đánh giá luật sư phải hoàn thành việc đánh giá. Trường hợp cần thiết, có thể kéo dài thời gian đánh giá nhưng không quá 05 ngày làm việc.</li> <li>- Trung tâm có trách nhiệm thông báo kết quả lựa chọn đến các luật sư đã nộp hồ sơ. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông báo, luật sư được</li> </ul>	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.	Trụ sở của Trung tâm trợ giúp pháp lý	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017.</li> <li>- Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

		lựa chọn có trách nhiệm ký hợp đồng với Trung tâm.				
4	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	- Đối với người đứng đầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại. - Đối với Giám đốc Sở Tư pháp: 15 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại.	Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.	Trụ sở của Trung tâm trợ giúp pháp lý	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.
5	Thủ tục thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý.	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.	Trụ sở của Trung tâm trợ giúp pháp lý	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.
6	Thủ tục cấp thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.	Trụ sở của Trung tâm trợ giúp pháp lý	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 12/2018/TT-BTP ngày 28/8/2018 của Bộ Tư pháp.
7	Thủ tục cấp lại thẻ Công tác viên trợ giúp pháp lý	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh.	Trụ sở của Trung tâm trợ giúp pháp lý	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017. - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ Tư pháp.

**C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>					
1	Thủ tục Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp sau 15 giờ thì chuyển sang ngày hôm sau	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng hạn: 60.000 đồng/lần</li> <li>- Không đúng hạn: 75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
2	Thủ tục Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<ul style="list-style-type: none"> <li>1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>

3	Thủ tục Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	<p>Ngay trong ngày; trường hợp sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả trong ngày làm việc tiếp theo; trường hợp cần xác minh thêm thì không quá 03 ngày</p>	<p>Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng hạn: 60.000 đồng/lần</li> <li>- Không đúng hạn: 75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
4	Thủ tục Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	<p>15 ngày</p>	<p>Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện</p>	<p>1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
5	Thủ tục Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	<p>15 ngày</p>	<p>Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đăng ký khai sinh: đúng hạn 60.000 đồng/lần, không đúng hạn 75.000 đồng/lần</li> <li>- Đăng ký nhận</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND</li> </ul>

				cha, mẹ, con: 1.500.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
6	Thủ tục Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc đối với đăng ký giám hộ cũ; 03 ngày đối với giám hộ đương nhiên	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	60.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
7	Thủ tục Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	60.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

8	Thủ tục Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc	Trong ngày đối với bổ sung hộ tịch; 03 ngày đối với thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, trường hợp phải xác minh thì không quá 06 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	28.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
9	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
10	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>

11	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Trong ngày; trường hợp cần xác minh thì không quá 03 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	75.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
12	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh không quá 13 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
13	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh không quá 13 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>

14	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh không quá 13 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	1.300.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
15	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/lần (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
16	Thủ tục Cấp bản sao trích lục hộ tịch	Trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp sau 15 giờ thì chuyển sang ngày hôm sau	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	8.000 đồng/bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>



<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>					
17	Thủ tục phục hồi danh dự	15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến đồng ý của người bị thiệt hại hoặc yêu cầu của người bị thiệt hại về việc phục hồi danh dự	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính cấp huyện tại Điều 33 Luật TNBTCNN	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
18	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</li> <li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết thiệt hại phải tiến hành thương lượng bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành; trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể kéo dài theo thỏa thuận nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn.</li> </ul>	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính cấp huyện tại Điều 33 Luật TNBTCNN	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

Lĩnh vực Chứng thực					
19	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Phòng Tư pháp	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	10.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
20	Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trường hợp trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	10.000 đồng/trường hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
21	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

		sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			
22	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/ văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
23	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	50.000 đồng/ văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

24	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong một số trường hợp thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
25	Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong một số trường hợp thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
26	Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

	thực không thể ký, không thể điền chỉ được)			trong một giấy tờ, văn bản).	
27	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
28	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
29	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận Một cửa UBND cấp huyện	<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản.</p> <p>Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

<b>Lĩnh vực Phổ biến giáo dục pháp luật</b>					
30	<p>Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn UBND cấp xã xem xét, đề nghị UBND cấp huyện giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời hạn Chủ tịch UBND huyện xem xét, quyết định hỗ trợ: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Thời hạn UBND cấp xã chi tiền hỗ trợ: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định của UBND cấp huyện.</li> </ul>	<p>Bộ phận Một cửa UBND cấp xã</p>	<p>Không</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ.</li> </ul>

**D. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC TƯ PHÁP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

<b>TT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>
<b>Lĩnh vực Hộ tịch</b>					
1	Thủ tục đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
2	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.
3	Thủ tục đăng ký khai sinh	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	- Đúng hạn: Không - Không đúng hạn: 8.000 đồng (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	- Luật Hộ tịch năm 2014. - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ. - Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp. - Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

4	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	05 ngày làm việc	Nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động.	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
5	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 13 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
6	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 13 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.</li> </ul>
7	Thủ tục đăng ký khai tử	Trong ngày; trường hợp cần xác minh thì không quá 03 ngày làm việc	Bộ phận Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng hạn: Không;</li> <li>- Không đúng hạn: 8.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>



8	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	05 ngày làm việc	Nhà riêng hoặc tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
9	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thêm thì không quá 10 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	5.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
10	Thủ tục Đăng ký kết hôn	Trong ngày; trường hợp cần xác minh thì không quá 05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
11	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Tại địa điểm tổ chức đăng ký lưu động	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>

12	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	05 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 13 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	20.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
13	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 06 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	10.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
14	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	15.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
15	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	Thay đổi, cải chính hộ tịch: 03 ngày; trường hợp phải xác minh thêm thì không quá 06 ngày làm việc. Đối với bổ sung hộ tịch: trong ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	15.000 đồng/lần (miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>

16	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	8.000 đồng/bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
17	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì không quá 08 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khai sinh không đúng hạn: 8.000 đồng/lần.</li> <li>- Đăng ký nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng/lần.</li> </ul> (Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật).	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hộ tịch năm 2014.</li> <li>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Nghị quyết 53/2017/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định.</li> </ul>
<b>Lĩnh vực Nuôi con nuôi</b>					
18	Thủ tục Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	30 ngày	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 400.000 đồng/trường hợp.</li> <li>- Miễn lệ phí đăng ký nuôi con nuôi trong nước đối với trường hợp cha dượng hoặc mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng làm con nuôi; cô, cậu, dì, chú, bác ruột nhận cháu làm con nuôi; nhận các trẻ em sau đây làm con nuôi: Trẻ khuyết tật, nhiễm HIV/AIDS hoặc mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Luật Nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn; người có công với cách mạng nhận con nuôi.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 12/2011/TT-BTP ngày 27/6/2011 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 24/2014/TT-BTP ngày 29/12/2014 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

19	Thủ tục Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	05 ngày làm việc	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Nuôi con nuôi năm 2010.</li> <li>- Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 114/2016/NĐ-CP ngày 08/7/2016 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị định số 24/2019/NĐ-CP ngày 05/3/2019 của Chính phủ.</li> </ul>
<b>Lĩnh vực Bồi thường nhà nước</b>					
20	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan giải quyết bồi thường phải thụ lý hồ sơ và vào sổ thụ lý.</li> <li>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý hồ sơ, cơ quan giải quyết bồi thường cử người giải quyết bồi thường.</li> <li>- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thụ lý hồ sơ, người giải quyết bồi thường phải hoàn thành việc xác minh thiệt hại; trường hợp vụ việc phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm thì thời hạn là 30 ngày. Thời hạn có thể kéo dài theo thỏa thuận nhưng tối đa là 15 ngày.</li> <li>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại, phải hoàn thành báo cáo xác minh thiệt hại.</li> </ul>	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại trong hoạt động quản lý hành chính cấp xã quy định tại Điều 33 của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.</li> <li>- Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>

	<p>- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc báo cáo xác minh thiệt hại, cơ quan giải quyết thiệt hại phải tiến hành thương lượng bồi thường. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiến hành thương lượng, việc thương lượng phải được hoàn thành; trường hợp phức tạp thì thời hạn tối đa là 15 ngày. Thời hạn thương lượng có thể kéo dài theo thỏa thuận nhưng tối đa là 10 ngày kể từ ngày hết thời hạn.</p> <p>- Ngay sau khi có biên bản kết quả thương lượng thành, Thủ trưởng cơ quan giải quyết bồi thường ra quyết định giải quyết bồi thường và trao cho người yêu cầu bồi thường tại buổi thương lượng. Trường hợp người yêu cầu bồi thường không nhận quyết định giải quyết bồi thường thì cơ quan giải quyết bồi thường gửi cho người yêu cầu bồi thường biên bản về việc không nhận quyết định trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</p>			
--	--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	--	--	--

<b>Lĩnh vực Chứng thực</b>					
21	Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	50.000 đồng/hợp đồng, giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
22	Thủ tục chứng thực di chúc	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	50.000 đồng/di chúc	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
23	Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày</li> </ul>

		yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.			11/11/2016 của Bộ Tài chính.
24	Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
25	Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ yêu cầu chứng thực hoặc có thể kéo dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực. Trường hợp kéo dài thời hạn giải quyết thì người tiếp nhận hồ sơ phải có phiếu hẹn ghi rõ thời gian (giờ, ngày) trả kết quả cho người yêu cầu chứng thực.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	50.000 đồng/văn bản	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

26	<p>Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận</p>	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ. Trong một số trường hợp thời hạn chứng thực được kéo dài thêm không quá 02 ngày làm việc hoặc có thể dài hơn theo thỏa thuận bằng văn bản với người yêu cầu chứng thực</p>	<p>Bộ phận Một cửa UBND cấp xã</p>	<p>2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
27	<p>Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)</p>	<p>Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.</p>	<p>Bộ phận Một cửa UBND cấp xã</p>	<p>10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>



28	Thủ tục chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng giao dịch	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ.	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	30.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
29	Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	25.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>
30	Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	Trong ngày cơ quan, tổ chức tiếp nhận yêu cầu hoặc trong ngày làm việc tiếp theo, nếu tiếp nhận yêu cầu sau 15 giờ	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp.</li> <li>- Thông tư số 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.</li> </ul>

<b>Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật</b>					
31	Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị công nhận tuyên truyền viên pháp luật của công chức Tư pháp – Hộ tịch	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
32	Thủ tục miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của công chức Tư pháp – Hộ tịch	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012.</li> <li>- Nghị định số 28/2013/NĐ-CP ngày 04/4/2013 của Chính phủ.</li> <li>- Thông tư số 10/2016/TT-BTP ngày 22/7/2016 của Bộ Tư pháp.</li> </ul>
33	Thủ tục công nhận hòa giải viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</li> </ul>

34	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</li> </ul>
35	Thủ tục làm hòa viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị hoặc báo cáo về việc thôi làm hòa giải viên	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</li> </ul>
36	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</li> <li>- Tổ hòa giải thực hiện trả thù lao cho hòa giải viên theo Quyết định của UBND cấp xã trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được thù lao.</li> </ul>	Bộ phận Một cửa UBND cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013.</li> <li>- Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ.</li> <li>- Nghị quyết số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.</li> </ul>